

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2019/HNGĐ-PT

Ngày 18-01-2019

V/v Ly hôn, tranh chấp con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Hạnh.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Hậu.

Bà Trần Thị Lệ Uyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Trường An – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Phạm Phương Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 148/2018/TLPT-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về con chung”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 1404/2018/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 6369/2018/QĐ-PT ngày 24 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Minh C, sinh năm 1995. (có mặt)

Địa chỉ: Tổ M, ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Đinh Khắc H, sinh năm 1991. (có mặt)

Địa chỉ: Tổ M, ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Do có kháng cáo của:* Bà Phạm Thị Minh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của bản án sơ thẩm như sau:

Theo Đơn khởi kiện ngày 16/7/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Phạm Thị Minh C trình bày:

Bà và ông Đinh Khắc H tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện H, tỉnh T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 03/2014 quyển số 01/2014 ngày 10/02/2014. Sau khi kết hôn, bà và ông H chuyển vào miền Nam sinh sống làm ăn. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau đó, bắt đầu trong việc làm ăn cũng như lối suy nghĩ của bà và ông H dần dần mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi vã từ những chuyện nhỏ nhặt nhất, ông H có tính gia trưởng và thường xuyên đánh vợ. Ngoài ra, bà và ông H còn mâu thuẫn về tôn giáo, ông H theo đạo Phật còn bà theo đạo Thiên Chúa. Cứ như vậy, cuộc sống hôn nhân trở nên nặng nề, bất mãi, giữa bà và ông H không còn yêu thương, tôn trọng nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng. Tình trạng hôn nhân giữa vợ chồng bà ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: Có 01 con chung tên Đinh Khắc Hiếu N, sinh ngày 07/07/2014. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Hai bên đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

Bị đơn là ông Đinh Khắc H trình bày:

Ông và bà C tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn năm 2014. Sau khi cưới, vợ chồng ông vào miền Nam sinh sống, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 10/2017. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chủ yếu là do mâu thuẫn về tôn giáo, ông theo đạo Phật còn bà C theo đạo Thiên Chúa. Dần dần vợ chồng không còn yêu thương nhau nên thường tranh cãi, mất hạnh phúc. Nay bà C yêu cầu ly hôn, ông đồng ý ly hôn với bà C. Tuy nhiên, nếu bà C rút đơn xin ly hôn thì ông cũng đồng ý đoàn tụ với bà C.

Về con chung: Có 01 con chung tên Đinh Khắc Hiếu N, sinh ngày 07/07/2014, hiện tại ông là người trực tiếp chăm sóc. Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà C phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Hai bên đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

Tại bản án sơ thẩm số 1404/2018/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 đã sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Áp dụng các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí Tòa án và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Phạm Thị Minh C và ông Đinh Khắc H. Giấy chứng nhận kết hôn số 03/2014 quyển số 01/2014 do Ủy ban nhân dân xã D, huyện H, tỉnh T cấp ngày 10/02/2014 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Không chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Minh C.

Giao con chung tên Đinh Khắc Hiếu N, sinh ngày 07/07/2014 cho ông Đinh Khắc H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông H về việc tạm thời không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu theo quy định tại Điều 84, Điều 119 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung: Bà C và ông H đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà C và ông H cùng xác định không có.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) bà Phạm Thị Minh C phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0033304 ngày 05/09/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Bà C đã nộp đủ án phí.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án theo luật định.

Ngày 23/10/2018, bà Phạm Thị Minh C kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm về việc bà yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Phạm Thị Minh C trình bày:

Bà và ông Đinh Khắc H chung sống với nhau từ năm 2014 đến nay, hai bên xảy ra nhiều mâu thuẫn, ông H gia trưởng, mâu thuẫn về tôn giáo, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, nên bà có đơn yêu cầu ly hôn. Tòa án nhân dân huyện C chấp nhận đơn ly hôn của bà nhưng giao con chung là trẻ N cho ông H trực tiếp nuôi dạy, bà không đồng ý do con còn nhỏ cần phải có mẹ. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng bà không có nơi ở ổn định nên giao con chung là trẻ N cho ông H nuôi dạy. Nay bà đã có nơi ở ổn định là nhà của cậu mợ bà tại huyện C, và bà đã đăng ký tạm trú dài hạn tại đây, nên bà yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn ông Đinh Khắc H trình bày:

Ông không đồng ý giao con chung là trẻ N cho bà Phạm Thị Minh C trực tiếp nuôi dạy là vì hiện trẻ N không còn nhỏ, ông có thể tự chăm sóc con. Việc nuôi dạy, chăm sóc con từ trước đến nay đều do ông đảm nhận, ông là người đóng tiền học cũng như các vấn đề khác của con như chở con đi chơi hay tắm cho con đều do ông đảm trách, bà C đi làm về thì chỉ chơi hoặc xem tivi. Hiện nay hai vợ chồng vẫn còn chung sống một nhà. Sau khi ly hôn ông tiếp tục ở tại nhà đang thuê, để ổn định cho con ông yêu cầu được nuôi con sau khi ly hôn. Nếu Tòa án giao con cho bà C nuôi dạy thì ông cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu trình bày ý kiến:

Về tố tụng:

Ngày 23/10/2018, nguyên đơn là bà Phạm Thị Minh C kháng cáo bản án sơ thẩm số 1404/2018/HNGĐ-ST ngày 23/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh với lý do bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn và không yêu cầu ông Đinh Khắc H cấp dưỡng nuôi con. Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nhận đơn kháng cáo cùng ngày. Căn cứ Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, kháng cáo trong hạn luật định nên được xem xét.

Trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ và tại phiên tòa phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Bà Phạm Thị Minh C và ông Đinh Khắc H cả hai đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, khả năng tài chính và công việc của hai bên đều ổn định. Về việc chăm sóc con chung thì ông H có phần chăm sóc tốt hơn bà C, sau khi ly hôn ông H tiếp tục ở tại nhà đang thuê còn bà C thì sang nhà cậu mợ bà C ở. Vì vậy để ổn định cho trẻ sau khi cha mẹ ly hôn nên cần tiếp tục giao con cho ông H trực tiếp nuôi dạy. Do đó, không chấp nhận đơn kháng cáo của bà C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Về tố tụng:

Ngày 23/10/2018, Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Bản án sơ thẩm số 1404/2018/HNGĐ-ST ngày 23/10/2018, cùng ngày bà C kháng cáo bản án sơ thẩm nêu trên. Căn cứ Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đơn kháng cáo của bà C hợp lệ và làm trong thời hạn luật định nên được xem xét.

Về nội dung kháng cáo:

Bà C kháng cáo yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là trẻ Đinh Khắc Hiếu N, bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét:

Tại phiên tòa bà C trình bày: Sau khi cưới, vợ chồng vào miền Nam sinh sống, lập nghiệp và do quan điểm cuộc sống, quan điểm về tôn giáo khác nhau nên hai bên không còn hòa hợp, dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng, nên bà yêu cầu ly hôn. Trong cuộc sống chung hằng ngày, cả bà và ông H đều cùng chăm sóc con nhưng trẻ N vẫn cảm mến cha hơn mẹ. Ông H là người thường xuyên chăm sóc con hơn bà do trẻ gần gũi với cha nhiều hơn mẹ.

Sau khi vào miền Nam sinh sống, hai vợ chồng cùng thuê nhà tại huyện C, hợp đồng do ông H ký và hợp đồng thuê đến năm 2020. Tại phiên tòa sơ thẩm, các bên xác nhận hiện cùng làm việc cho cơ sở kinh doanh mua bán ga Nguyễn Hồng N tại huyện C và có thu nhập ổn định, thu nhập của ông H cao hơn bà C, có sự xác nhận của chủ cơ sở. Sau khi ly hôn thì bà C sống tại cửa hàng nơi bà làm việc, chủ cơ sở có hứa sẽ tiếp tục cho bà ở tại đây. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà C cung cấp chứng cứ là sổ tạm trú dài hạn tại nhà số 19 Đường N, Tổ T, ấp B, xã N, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà C cho biết đây là nhà của cậu mợ bà đang chung sống cùng với các em họ của bà, sau khi ly hôn bà sẽ ở tại nhà cậu mợ bà.

Ông H cho rằng hiện trẻ N không còn nhỏ, ông có thể tự chăm sóc con. Việc nuôi dưỡng, chăm sóc con từ trước đến nay đều do ông đảm nhận, ông là người đóng tiền học cũng như các vấn đề khác của con như chở con đi chơi hay tắm cho con đều do ông đảm trách, nên ông không đồng ý giao cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn ông H tiếp tục sống tại nhà thuê. Bản thân bà C xác nhận trẻ Đinh Khắc Hiếu N gần cha hơn mẹ, ông H chăm sóc con tốt. Từ khi vào miền Nam thì hai vợ chồng đã thuê nhà sống tại huyện Củ Chi.

Như vậy, cho thấy sau khi ly hôn giữa bà C và ông H thì ông H có sự ổn định hơn so với bà C.

Việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung chưa thành niên là trách nhiệm và nghĩa vụ, cũng là quyền lợi của cha mẹ. Việc các bên đương sự tranh chấp nuôi con chung sau khi ly hôn, cũng là xuất phát từ tình thương yêu của cha mẹ đối với con cái, nhưng giao cho ai là người trực tiếp nuôi dạy con chung thì phải xem xét đến quyền lợi của trẻ để trẻ phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức, trở thành công dân có ích cho xã hội.

Tòa án cấp sơ thẩm giao con chung là trẻ N cho ông H tiếp tục chăm sóc là có xem xét đến điều kiện sống của trẻ sau khi cha mẹ ly hôn là phù hợp với điều kiện hiện tại của trẻ, vì vậy để tránh sự xáo trộn cuộc sống của trẻ, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của bà C và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì bà C phải nộp án phí sơ thẩm là 300.000 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận đơn kháng cáo của bà C nên bà C phải chịu toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng.

Với những chứng cứ kể trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2016.

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 37, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 228, Điểm a Khoản 2 Điều 478 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2016.

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57 và Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 1404/2018/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Phạm Thị Minh C và ông Đinh Khắc H. Giấy chứng nhận kết hôn số 03/2014, quyển số 01/2014 do Ủy ban nhân dân xã D, huyện H, tỉnh T cấp ngày 10/02/2014 không còn giá trị pháp lý. Quan hệ hôn nhân

giữa bà Phạm Thị Minh C và ông Đinh Khắc H chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Không chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Minh C.

Giao con chung tên Đinh Khắc Hiếu N, sinh ngày 07/07/2014 (giới tính: Nam) cho ông Đinh Khắc H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông H về việc tạm thời không yêu cầu bà C phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu theo quy định tại Điều 84 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung: Bà C và ông H đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà C và ông Hòa cùng xác định không có.

5. Về án phí dân sự:

5.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà C phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được miễn trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0033304 ngày 05/09/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà C đã nộp đủ án phí.

5.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà C phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được miễn trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà C đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0033542 ngày 24/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà C đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Mỹ Hạnh